

Số: 02 /2026/VBHN-QĐ-UBND

Sơn La, ngày 24 tháng 09 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt
trên địa bàn tỉnh Sơn La**

Quyết định số 116/2025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 11 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sửa đổi một số điều của Quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 116/2025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định phân quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường¹;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết các nội dung về quản lý chất thải rắn sinh hoạt gồm:

1. Phân loại cụ thể chất thải rắn sinh hoạt khác tại khoản 2 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh tại khoản 6 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường.

¹ Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐCP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 131/2025/NĐCP, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP, Nghị định số 110/2026/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT, Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 116/2025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh.

3. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân tại khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 73 Luật Giá năm 2023 (không bao gồm chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sinh hoạt).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ gia đình, cá nhân sinh sống trên địa bàn tỉnh Sơn La (bao gồm cả người nước ngoài).
2. Các cơ sở tham gia thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.
3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Theo các nguyên tắc của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có hoạt động làm phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.
3. Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo hướng giảm thiểu phát sinh, tăng cường tái sử dụng, tái chế để khai thác tối đa giá trị tài nguyên của chất thải rắn sinh hoạt.
4. Hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm và nghĩa vụ phân loại tại nguồn phù hợp với mục đích quản lý, xử lý và chi trả giá dịch vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.
5. Cơ sở vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm chuyển giao cho cơ sở xử lý chất thải có chức năng, giấy phép môi trường phù hợp hoặc chuyển giao cho cơ sở vận chuyển khác đảm bảo quy định để vận chuyển.
6. Ưu tiên đầu tư công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt hiện đại, thân thiện với môi trường, có thu hồi năng lượng và thành phần có ích trong chất thải rắn sinh hoạt; hạn chế và có lộ trình tiến tới chấm dứt việc đầu tư mới các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp.

7.² Lộ trình thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt

a) Chậm nhất ngày 31 tháng 12 năm 2026: Ủy ban nhân dân cấp xã phải chuẩn bị các điều kiện để triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, bao gồm:

- Ban hành kế hoạch, phương án hoặc nội dung triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương;
- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, triển khai các mô hình phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phù hợp với các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật thực tế của địa phương.

b) Chậm nhất ngày 01 tháng 01 năm 2027: Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế đối với hộ

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 23/9/2026, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2026

gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

c) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2028 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030

- Các địa phương có đơn vị xử lý và bảo đảm điều kiện tiếp nhận, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại: Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai việc phân loại chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác (chất thải cống kênh và chất thải sinh hoạt khác còn lại) đối với hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; việc phân loại, thu gom, vận chuyển, tiếp nhận và xử lý chất thải sau phân loại phải phù hợp với điều kiện hạ tầng thu gom, vận chuyển và công nghệ xử lý của đơn vị cung ứng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn;

- Các địa phương chưa có đơn vị xử lý hoặc chưa bảo đảm điều kiện tiếp nhận, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại: Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp tục tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, triển khai mô hình phân loại phù hợp với điều kiện thực tế; đồng thời rà soát, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện đảm bảo theo lộ trình quy định tại điểm d khoản này. Khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn sau khi thực hiện phân loại tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi, giảm tối đa lượng chất thải phải chuyển giao xử lý.

d) Chậm nhất ngày 01 tháng 01 năm 2031, thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn toàn tỉnh theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

đ) Việc kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm quy định về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về bảo vệ môi trường và phù hợp với lộ trình thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn triển khai tại các điểm a, b, c, d khoản này.

e) Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP chủ động thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn sớm hơn lộ trình quy định tại khoản này”.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại cụ thể như sau:

1. Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế (giấy thải, nhựa thải, kim loại thải,...);

2. Chất thải thực phẩm (các phần thải bỏ từ sơ chế, chế biến thức ăn, các loại rau, củ, quả thải bỏ; thức ăn thừa; thực phẩm hỏng,...);

3. Chất thải rắn sinh hoạt khác gồm:

a) Chất thải rắn công cộng gồm những vật dụng gia đình được thải bỏ có kích thước lớn như: tủ, giường, đệm, bàn, ghế hoặc các vật dụng tương tự khác hoặc gốc cây, thân cây, cành cây... không thể thu gom cùng với chất thải rắn sinh hoạt tại khoản 1, khoản 2 và điểm b, c khoản 3 Điều này. Các hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm tháo dỡ và giảm kích thước trước khi vận chuyển đến điểm tập kết, trạm trung chuyển. Chất thải rắn công cộng sau khi tháo dỡ phải phân loại thành các sản phẩm có thể tái chế, tái sử dụng và chỉ thải bỏ các thành phần không thể tái chế, tái sử dụng để giảm thiểu tối đa việc phát thải ra môi trường và tận dụng triệt để giá trị nguồn tài nguyên từ chất thải. Đối với tủ, giường, đệm, bàn, ghế hoặc các vật dụng tương tự khác thu gọn, giảm kích thước, thể tích. Đối với gốc cây, thân cây, cành cây bó gọn, giảm kích thước, thể tích;

b) Chất thải rắn nguy hại như: găng tay, giẻ lau dính dầu, hóa chất; kim tiêm, khẩu trang, bông băng bị nhiễm khuẩn từ người bệnh; các loại bóng đèn huỳnh quang thải, thủy tinh hoạt tính thải, nhiệt kế chứa thủy ngân thải, các loại pin, ắc quy...;

c) Chất thải rắn sinh hoạt khác còn lại như: vỏ trứng, phân động vật, bã, bỉm, băng, giấy vệ sinh, các loại hộp xốp; các loại sản phẩm nhựa sử dụng một lần, giày, dép nhựa...

Điều 5. Lưu giữ và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt

Hộ gia đình, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt sau khi thực hiện phân loại theo quy định tại Điều 4 thực hiện lưu giữ như sau:

1. Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế, chất thải thực phẩm, chất thải rắn sinh hoạt khác sau khi phân loại thực hiện quản lý theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường. Trong đó, bao bì màu xanh lá cây đựng chất thải thực phẩm, bao bì màu xám đựng chất thải rắn sinh hoạt khác còn lại. Khuyến khích sử dụng bao bì là chất liệu dễ phân hủy sinh học.

2. Bao bì (túi), thiết bị lưu giữ (thùng) chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Bảo đảm lưu chứa an toàn chất thải, có kích thước phù hợp với lượng chất thải, thời gian lưu giữ;

b) Bao bì đựng chất thải thực phẩm phải có khả năng chống thấm, không làm rò rỉ nước và phát tán mùi;

c) Thiết bị lưu giữ (thùng) phải bảo đảm các yêu cầu: chống rò rỉ nước, có nắp đậy kín để ngăn phát tán mùi và được dán nhãn nhận diện, phân biệt các loại chất thải.

3. Quy định về chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt

a) Thời gian chuyển giao và thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phải đảm bảo kết nối hiệu quả giữa công tác thu gom tại nguồn với công tác vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và đảm bảo vệ sinh, mỹ quan đô thị.

b) Phương thức chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt

Cá nhân, hộ gia đình chuyển giao trực tiếp hoặc để chất thải rắn sinh hoạt trong các bao bì (túi) hoặc thiết bị lưu giữ (thùng) trước mặt tiền nhà/cơ sở/điểm tập kết chờ cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến thu gom trong khoảng thời gian quy định (khuyến khích thực hiện phương thức chuyển giao trực tiếp). Phương thức chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân ở đô thị và hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường và theo từng nhóm đã phân loại như sau:

- Khi thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, cá nhân, hộ gia đình chuyển giao (bán, tặng) nhóm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế cho chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt hoặc cá nhân, cơ sở thu mua chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý và xử lý có chức năng theo quy định của pháp luật;

- Chất thải thực phẩm: Có thể làm phân bón hữu cơ, tận dụng làm thức ăn chăn nuôi hoặc chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định;

- Nhóm chất thải rắn công kênh: Việc thu gom, vận chuyển được thực hiện theo thỏa thuận giữa cá nhân, hộ gia đình và cơ sở thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Khi có phát sinh phải liên hệ với cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt để thỏa thuận vận chuyển;

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt khác còn lại: Được chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

4. Chủ dự án đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị mới, chung cư, tòa nhà văn phòng phải bố trí thiết bị, địa điểm để lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

5. Chất thải rắn công kênh phải được hộ gia đình, cá nhân lưu giữ, không được vứt bừa bãi tại các nơi công cộng, ao, hồ, sông, suối... gây ô nhiễm môi trường.

Điều 6. Điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt

a) Điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải có các khu vực khác nhau để lưu giữ các loại chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại, bảo đảm không để lẫn các loại chất thải đã được phân loại với nhau;

b) Điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường quy định tại Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường hoặc quy định pháp luật thay thế (nếu có) và các quy định pháp luật hiện hành;

c) Có thể tiếp nhận và xử lý sơ bộ (tháo dỡ, giảm thể tích...) các loại chất thải rắn công kênh nhằm tăng cường tái sử dụng và tái chế các loại chất thải rắn công kênh đã tiếp nhận; các thành phần không thể tái sử dụng, tái chế được vận chuyển đến các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt để xử lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải bố trí mặt bằng điểm tập kết, trạm trung chuyển; xác định vị trí, thời gian tập kết, hoạt động và quy mô tiếp nhận của các điểm tập kết, trạm trung chuyển cho từng khu, cụm dân cư đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 nêu trên với quy mô tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt phù hợp, bảo đảm an toàn giao thông, hạn chế tối đa hoạt động vào giờ cao điểm. Bố trí ít nhất một điểm tập kết, trạm trung chuyển để tiếp nhận, xử lý sơ bộ chất thải rắn công kênh phát sinh trên địa bàn đảm bảo quy định.

Điều 7. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian, địa điểm, tần suất, tuyến thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt: Tùy vào đặc điểm của mỗi khu vực dân cư, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và tổ trưởng tổ dân phố, khu phố, ban quản lý chung cư, trưởng thôn, xóm, bản xác định thời gian, địa điểm, tần suất thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với hiện trạng, đảm bảo theo quy định. Việc bố trí thời gian thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt cần lưu ý tránh trong giờ cao điểm (trừ trường hợp đột xuất theo yêu cầu của cơ quan chức năng hoặc chính quyền địa phương); không tập kết xe gom, xe vận chuyển tại các địa điểm dễ gây ùn tắc giao thông, tại các khu vực cửa ngõ ra vào đô thị; các trung tâm thương mại, dịch vụ, các khu vực công cộng tập trung đông người. Tần suất thu gom phải đảm bảo thu gom kịp thời chất thải rắn sinh hoạt không để chất thải gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường.

3. Đối với chất thải rắn công kênh sau khi được tháo dỡ vẫn có kích thước lớn, hộ gia đình, cá nhân có thể tự vận chuyển đến điểm tập kết, trạm trung chuyển do Ủy ban nhân dân cấp xã quy định hoặc chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

4. Phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT hoặc quy định pháp luật thay thế (nếu có) và các quy định

pháp luật hiện hành. Đối với phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn công kênh phải đáp ứng quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và quy định tại Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ hoặc quy định pháp luật thay thế (nếu có) và các quy định pháp luật hiện hành; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ.

Điều 8. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân

1. Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế: Khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân để chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu, cơ sở tái chế để tái chế, tái sử dụng.

2. Chất thải thực phẩm: Tùy điều kiện từng địa phương, đối với các địa phương có đất vườn rộng, Ủy ban nhân dân cấp xã khuyến khích các hộ gia đình tự xử lý tại hộ gia đình như: ủ làm phân bón hoặc tận dụng làm thức ăn chăn nuôi. Đối với những nơi không có điều kiện tự xử lý tại hộ gia đình phải xử lý tập trung tại khu xử lý bằng phương pháp làm phân bón hữu cơ, phương pháp nhiệt hóa, chôn lấp hợp vệ sinh hoặc các phương pháp hiện đại, thân thiện với môi trường khác (hạn chế tối đa việc chôn lấp).

3. Chất thải rắn sinh hoạt khác

a) Phải được xử lý tập trung tại khu xử lý chất thải;

b) Đối với chất thải rắn công kênh: Căn cứ tính chất của từng loại chất thải sau khi phân rã, phân loại để xử lý riêng từng loại như đối với chất thải rắn sinh hoạt tại khoản 1 và khoản 3 Điều này;

c) Chất thải rắn sinh hoạt khác còn lại: Hộ gia đình, cá nhân tận dụng làm nguyên liệu hoặc thu gom và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng xử lý phù hợp.

Chương III

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của hộ gia đình, cá nhân

1. Hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm:

a) Thực hiện phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo đúng thời gian do Ủy ban nhân dân cấp xã quy định;

b) Thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Giữ gìn vệ sinh nơi ở và nơi công cộng, thu gom, tập kết chất thải rắn sinh hoạt đúng nơi quy định; không được vứt, thải, đổ, bỏ chất thải rắn sinh hoạt ra môi trường không đúng nơi quy định; tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng do chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể phát động;

d) Người dân khi đi lại trên đường, những nơi công cộng có nhu cầu thải bỏ chất thải rắn sinh hoạt phải bỏ vào thùng chứa công cộng hoặc những nơi do cơ quan chức năng quy định;

đ) Dọn dẹp, giữ gìn vệ sinh môi trường trong khu đất thuộc quyền sử dụng của mình, vỉa hè trước và xung quanh khu vực;

e) Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước trong công tác điều tra, khảo sát xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường về quản lý chất thải rắn sinh hoạt;

g) Giám sát và phản ánh các vấn đề liên quan đến chất lượng cung ứng các dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; các vi phạm đối với Quy định này đến các cơ quan có thẩm quyền có liên quan theo quy định pháp luật;

h) Chịu hình thức xử phạt nếu vi phạm quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2. Quyền hạn của hộ gia đình, cá nhân:

a) Được nhà nước, các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt khi đã thanh toán đầy đủ chi phí dịch vụ theo quy định;

b) Được khen thưởng, tuyên dương và công nhận gia đình văn hóa khi tham gia thực hiện tốt phong trào, chương trình hoặc hiến kế, góp ý nhằm góp phần bảo vệ môi trường.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm thực hiện các quy định theo Điều 61 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và một số quy định sau:

1. Quản lý, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn theo Hợp đồng ký kết; quét dọn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên đường, hè phố, nơi công cộng; theo dõi kiểm tra, phát hiện các trường hợp vi phạm quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, kịp thời báo cáo chính quyền địa phương và cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

2. Phải sử dụng thiết bị, phương tiện được thiết kế phù hợp với từng loại chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại theo quy định tại Điều 4 Quy định này và đáp

ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.³ Báo cáo định kỳ tình hình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a, điểm b khoản 19 Điều 1, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT; Điều 23 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh (trường hợp thu gom trong địa bàn Khu công nghiệp), Sở Công Thương (trong trường hợp thu gom trong địa bàn cụm công nghiệp) trước ngày 15 tháng 01 của năm sau hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt có quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và một số quy định sau:

1. Chỉ được tiếp nhận và xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định từ các cơ sở thu gom, vận chuyển đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận. Chủng loại, thành phần chất thải rắn sinh hoạt tiếp nhận, xử lý phù hợp với quy trình, công nghệ xử lý chất thải của cơ sở xử lý chất thải.

2. Quản lý, vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy trình công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, đảm bảo hoạt động an toàn và vệ sinh môi trường.

3. Lập phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật về giá và môi trường gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

4. Được quyền kiểm tra các chất thải chuyển giao đến cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt và từ chối tiếp nhận các loại chất thải không phải là chất thải rắn sinh hoạt hoặc chất thải rắn sinh hoạt không phân loại.

5. Được thanh toán đúng và đủ giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hợp đồng đã ký kết.

6.⁴ Báo cáo định kỳ tình hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a, điểm b khoản 19 Điều 1, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT; Điều 23 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 15 tháng 01 của năm sau hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 23/9/2026, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2026

⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 23/9/2026, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2026

Điều 12. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quy định này;

b)⁵ Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, điều chỉnh giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và các quy định hiện hành;

c) Phối hợp với Sở Tài chính, hằng năm rà soát bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ, hỗ trợ cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;

d)⁶ Hướng dẫn lập và tổng hợp dự toán kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt hằng năm gửi cơ quan chuyên môn xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương;

đ) Chủ trì, phối hợp rà soát, cho ý kiến về công nghệ, hình thức, phương pháp xử lý đối với các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, Luật Chuyển giao công nghệ và pháp luật có liên quan;

e) Hướng dẫn, giám sát việc đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động; chủ trì hướng dẫn việc phục hồi, tái sử dụng diện tích, chuyển đổi mục đích sử dụng và quan trắc môi trường của các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động;

g) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết quả công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường cấp tỉnh theo Điều 63 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

h)⁷ Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành có liên quan tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải theo quy định của pháp luật.

2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì hướng dẫn nhà đầu tư, chủ đầu tư về trình tự xây dựng các khu xử lý, trạm trung chuyển, điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt khi có yêu cầu;

b) Hướng dẫn, tham gia ý kiến về quy hoạch; thẩm định thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng theo phân cấp các khu xử lý, điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt;

⁵ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 23/9/2026, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2026

⁶ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 23/9/2026, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2026

⁷ Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 23/9/2026, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2026

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ban, ngành có liên quan thẩm định, cho ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định đầu tư đối với các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ và pháp luật có liên quan;

d)⁸ Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc điều chỉnh giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

đ)⁹ Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham gia ý kiến đối với dự toán kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt hằng năm;

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc giám sát các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động vận chuyển, phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo thẩm quyền.

3. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn thực hiện thủ tục đầu tư đối với các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt, ưu tiên thu hút các dự án đầu tư có công nghệ hiện đại kết hợp thu hồi năng lượng từ chất thải;

b) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh cần kêu gọi đầu tư;

c) Tham mưu ưu tiên cân đối, bố trí vốn đầu tư cho các dự án xử lý chất thải rắn theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và dài hạn. Tổng hợp kế hoạch vốn đầu tư phát triển cho công tác liên quan đến chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;

d)¹⁰ Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải theo quy định của pháp luật;

đ) Hằng năm, căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên, tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí cho các cơ quan đơn vị thực hiện hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo phân cấp;

e) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành mới hoặc điều chỉnh giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

⁸ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 23/9/2026, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2026

⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 23/9/2026, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2026

¹⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 23/9/2026, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2026

4.¹¹ Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì thẩm định hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư về xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 115/2023/QH15; đánh giá năng lực công nghệ; tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Lồng ghép vào chương trình dạy học các nội dung, kiến thức về bảo vệ môi trường nhằm tuyên truyền, giáo dục trẻ em, học sinh giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ môi trường tại nhà, trường học và nơi công cộng, có ý thức thu gom, phân loại và xử lý rác thải theo đúng quy định.

6. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và công an xã, phường tăng cường công tác phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan đến tội phạm về môi trường; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện trách nhiệm bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong lĩnh vực môi trường; tăng cường kiểm tra, kiểm soát phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo đúng tải trọng theo quy định của pháp luật.

7. Thuế tỉnh Sơn La

a) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường trong xây dựng, điều chỉnh phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

b) Hướng dẫn các địa phương, cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thực hiện chứng từ, thanh quyết toán tiền thu từ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

8. Các Sở, ban, ngành khác

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng Quy định này.

9. Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh Sơn La

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, xây dựng phóng sự, ghi hình, đưa tin về các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; kịp thời đưa tin các địa phương làm tốt công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy

¹¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 23/9/2026, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2026

định này, đồng thời đưa tin các trường hợp bị xử lý vi phạm trong hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt để làm gương cho đồng đảo các tầng lớp nhân dân.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức triển khai, hướng dẫn và tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nghiêm Quy định này và các quy định hiện hành của pháp luật;

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan rà soát, đánh giá tình trạng hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn. Đề xuất lộ trình đổi mới công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt thân thiện môi trường; bảo đảm giảm dần tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp đáp ứng mục tiêu về quản lý tổng hợp chất thải rắn do Thủ tướng Chính phủ quy định trong từng thời kỳ phát triển.

3. Xử lý ô nhiễm, cải tạo, nâng cấp các bãi chôn lấp rác thải không hợp vệ sinh; xây dựng lộ trình và chỉ đạo tổ chức thực hiện việc xử lý triệt để các bãi chôn lấp rác thải tự phát không theo quy định và ngăn chặn việc hình thành các bãi chôn lấp tự phát mới; thực hiện việc đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt do Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư sau khi kết thúc hoạt động theo quy định.

4. Hằng năm đề xuất và bố trí kinh phí thực hiện hỗ trợ các hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

5. Quy hoạch và công bố danh mục vị trí các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt, cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn.

6.¹² Tổ chức thẩm định quy hoạch xây dựng, thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng công trình, dự án khu xử lý, điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền; Triển khai đầu tư xây dựng, vận hành hệ thống thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo thẩm quyền, phân cấp ngân sách hoặc kế hoạch, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Chỉ đạo xây dựng tuyến thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn phù hợp tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo tối ưu về cự ly vận chuyển và tình hình giao thông tại khu vực; chỉ đạo sắp xếp thời gian hoạt động của các điểm tập kết và các cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân đảm bảo công tác vệ sinh môi trường. Ứng dụng công nghệ trong quản lý các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

8. Tổ chức đấu thầu, giao nhiệm vụ, đặt hàng lựa chọn cơ sở cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân theo quy định và phù hợp với thực tế tại địa phương đối với những dịch vụ được chi trả từ nguồn ngân sách Nhà nước.

¹² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 23/9/2026, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2026

9. Đối với các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt quy mô liên xã, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở xử lý đặt tại địa bàn ký hợp đồng xử lý, chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của khu xử lý và thực hiện các nội dung theo văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng giữa các bên.

10. Chịu trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng vệ sinh, nghiệm thu khối lượng công việc thực hiện của các cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền hoặc chuyển người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

11. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc để xảy ra ô nhiễm môi trường do chất thải rắn sinh hoạt gây ra trên địa bàn quản lý.

12.¹³ Phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt xác định cụ thể thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại các hộ gia đình, cá nhân; phổ biến đến cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn quản lý biết, thực hiện;

13.¹⁴ Tổ chức, củng cố mạng lưới thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; bảo đảm các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật trong thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện Quy định này được bố trí từ ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp xã) theo phân cấp hiện hành hoặc huy động từ các nguồn xã hội hóa, nguồn vốn ODA, các nguồn vốn hợp pháp khác (từ các chương trình, dự án, tài trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, ...).

2. Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ động cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ được giao đạt hiệu quả.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng quy trình kiểm tra, giám sát và nghiệm thu, thanh toán các công tác liên quan đến quản chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo Quy định này.

¹³ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 23/9/2026, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2026

¹⁴ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 23/9/2026, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2026

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH¹⁵

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quy định này. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết quả thực hiện hằng năm trước ngày 15 tháng 02 của năm tiếp theo.

2. Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Quy định này và chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thực hiện. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Quy định này trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới; Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh nội dung Quy định này phù hợp với quy định mới và phù hợp với điều kiện của tỉnh nếu cần thiết./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Sơn La, ngày 24 tháng 09 năm 2026

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature in blue ink]

Nguyễn Thành Công

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXL VPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Các Sở, ban, ngành;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Sơn La;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKT - Thiện 16 bản.

¹⁵ Quyết định số 116/2025/QĐ-UBND có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 11 năm 2025
Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2026